

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH TÂY NINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 49/2018/HS-PT

Ngày 14-5-2018

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TÂY NINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Mai Văn Triền.

Các Thẩm phán:

+ Ông Nguyễn Quốc Tuấn;

+ Bà Nguyễn Thị Thúy Phương;

- Thư ký phiên tòa: Bà Võ Thị Phương Yến, Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Hoàng Việt - Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 5 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số: 50/2018/TLPT-HS ngày 11 tháng 4 năm 2018 đối với bị cáo Huỳnh Văn T, do có kháng cáo của bị cáo và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án là bà Ngô Thị L đối với Bản án Hình sự sơ thẩm số: 46/2018/HS-ST ngày 08 tháng 3 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện Tân Châu.

- Bị cáo kháng cáo: Huỳnh Văn T, sinh ngày 18 tháng 02 năm 1989; nơi cư trú: Tổ T1, ấp T2, xã T3, huyện T4, tỉnh Tây Ninh; nghề nghiệp: Làm mướn; trình độ văn hóa: 5/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Huỳnh Văn H, sinh năm 1959 và bà Trần Thị Mai A, sinh năm 1955; bị cáo có vợ tên Nguyễn Thị Hồng M, sinh năm 1994 và có 01 con sinh năm 2011; tiền án; tiền sự: Không; nhân thân: Năm 2008, bị Tòa án nhân dân huyện Tân Châu xử phạt 01 năm tù về tội “Trộm cắp tài sản”, năm 2009 đã chấp hành xong hình phạt, bản án; bị cáo tại ngoại; có mặt tại phiên tòa.

- Bị hại: Ông Quang Văn S, sinh năm 1961; cư trú tại: Ấp T2, xã T3, huyện T4, tỉnh Tây Ninh (đã chết).

Đại diện hợp pháp của bị hại: Tòa án không triệu tập

+ Bà Lê Thị Thu G, sinh năm 1959; cư trú tại: Ấp G1, xã G2, huyện G3, tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu (là vợ của bị hại);

+ Anh Quang Trung Q, sinh năm 1990; cư trú tại: Thôn Q1, xã Q2, huyện Q3, tỉnh Bình P (là con ruột của bị hại);

+ Chị Quang Thị Tuyết N, sinh năm 1995; cư trú tại: Tổ N1, ấp N2, xã T3, huyện T4, tỉnh Tây Ninh (là con ruột của bị hại);

+ Anh Quang Bình K, sinh năm 1997; cư trú tại: Ấp G1, xã G2, huyện G3, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu (là con ruột của bị hại).

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:*

+ Bà Ngô Thị L, sinh năm 1973; cư trú tại: Tổ L1, ấp T2, xã T3, huyện T4, tỉnh Tây Ninh (bà L sống chung như vợ chồng với ông S từ năm 2006); có mặt tại phiên tòa.

+ Cháu Ngô Um Quang O (I), sinh năm 2009; cư trú tại: Tổ O1, ấp T2, xã T3, huyện T4, tỉnh Tây Ninh (là con chung của ông S và bà L). Người đại diện hợp pháp theo pháp luật của cháu Ngô Um Quang O là bà Ngô Thị L; Tòa án không triệu tập.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng 19 giờ ngày 06-02-2016, ông Quang Văn S mở nhạc hát Karaoke tại nhà tiếng lớn nên anh Nguyễn Văn E, sinh năm 1981 nhà gần đến đề nghị ông S điều chỉnh nhạc nhỏ lại thì xảy ra cãi nhau, xô xát với bà L (chung sống như vợ chồng với ông S). Lúc này, ông S từ trong nhà chạy ra, anh E dùng tay đánh trúng vào vai ông S, nên ông S lấy 01 khúc cây cao su đánh vào đầu anh E làm anh E té ngã; ông S bỏ vào nhà. Anh E đứng dậy dùng tay đánh bà L rồi bỏ chạy vào nhà bà Lê Thị U gần đó đóng cửa lại; bà L đuổi theo đến đứng ngoài xô đẩy cửa với anh E một lúc rồi bỏ về nhà.

Sau đó, bà U thấy anh E nằm tại mái hiên nhà, sợ có bị thương nên đi đến nhà chị Võ Thị Q, sinh năm 1979 gặp Huỳnh Văn T là em vợ của anh E đang uống rượu, bà U kể lại sự việc giữa anh E xô xát với ông S và bà L. Nghe xong, T đi bộ đến nhà anh E thấy anh E nằm trước hiên nhà, T hỏi chuyện nhưng anh E không trả lời.

Lúc này, T thấy ông S đang ngồi chơi tại nhà anh Lê Văn P, nên T lấy 01 sợi dây xích (bằng sắt phi 03 ly, dài khoảng 50 cm) của gia đình anh E (dùng để buộc cửa nhà) đi đến nhà anh P để đánh ông S. Khi thấy T đến, ông S bỏ về ra trước sân nhà anh P thì T dùng dây xích đánh 01 cái trúng vào đầu ông S chảy máu, rồi T cầm dây xích về, trên đường đi ném bỏ sợi dây xích.

Ông S được đưa đi cấp cứu tại Trung tâm y tế huyện T4, đến ngày 07-02-2016 xuất viện về nhà; gia đình thấy ông S đau đầu nên đưa đến Bệnh viện Đa khoa tỉnh Tây Ninh điều trị đến ngày 15-02-2016 xuất viện.

Ngày 17-02-2016, Công xã T3, huyện T4, tỉnh Tây Ninh tiến hành mời ông S làm việc; ông S yêu cầu xử lý Huỳnh Văn T về hành vi gây thương tích và yêu cầu bồi tU tiền thuốc điều trị vết thương.

Ngày 24-4-2016, ông S bị hôn mê nên gia đình đưa đến Bệnh viện Chợ Rẫy Thành Phố Hồ Chí Minh cấp cứu và điều trị, đến ngày 25-4-2016 được xuất viện về nhà điều trị và ông S tử vong ngày 25-5-2016.

Ngày 20-11-2016, con ruột ông S là chị Quang Thị Tuyết N và bà L có đơn yêu cầu xử lý hình sự đối với Huỳnh Văn T. Sau đó bà G, anh Q, anh K (là vợ và con ông S) cũng làm đơn yêu cầu xử lý hình sự đối với Huỳnh Văn T.

Tại Bản kết luận giám định pháp y về mô bệnh học số: 34^{TN}/16 ngày 06-5-2016 của Khoa giải phẫu bệnh – Pháp y, Bệnh viện Quân y 175 kết luận: Xuất huyết, tụ máu ở mô liên kết dưới đầu; xuất huyết màng não rải rác kèm theo ảnh phù não; viêm phế quản – phổi cấp, áp xe hóa mủ và viêm ngoại tâm mạc cấp.

Tại Bản kết luận giám định số: 64/PY-2015 ngày 26-5-2016 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Tây Ninh kết luận: Nguyên nhân tử vong của ông Quang Văn S là do nhồi máu não, viêm phế quản – phổi cấp, áp xe hóa mủ và viêm ngoại tâm mạc/ chấn thương đầu cũ.

Tại Bản kết luận giám định pháp y số: 01/2016/GĐHS ngày 30-6-2016 của Trung tâm pháp y tỉnh Tây Ninh kết luận: Vết sẹo dùng đinh phải, kích thước 04 x 0,2 cm có tỷ lệ tổn thương cơ thể là 01%; không có cơ sở y học để trả lời thương tích vùng đỉnh phải là do vật gì gây ra; thương tích vùng đỉnh phải không ảnh hưởng thẩm mỹ; thương tích vùng đỉnh phải không phải là nguyên nhân gây tử vong vào ngày 25-5-2016.

Tại Bản án Hình sự sơ thẩm số: 46/2018/HS-ST ngày 08 tháng 3 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện Tân Châu đã quyết định:

1. Căn cứ vào điểm a, i khoản 1 Điều 104; điểm p khoản 1 Điều 46 của Bộ luật Hình sự năm 1999.

Xử phạt bị cáo Huỳnh Văn T 09 (chín) tháng tù về tội “Cố ý gây thương tích”; thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày bị cáo đi chấp hành án.

2. Áp dụng Điều 42 của Bộ luật Hình sự năm 1999 và Điều 590 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Buộc bị cáo Huỳnh Văn T có nghĩa vụ bồi thường cho bà Ngô Thị L các khoản chi phí chữa trị cho ông Quang Văn S tổng cộng là 14.112.000 đồng.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về lãi suất do chậm thi hành án, án phí, quyền kháng cáo, quyền và nghĩa vụ thi hành án theo Luật Thi hành án dân sự.

Ngày 19 tháng 3 năm 2018, bị cáo Huỳnh Văn T có đơn kháng cáo, nội dung yêu cầu xin được hưởng án treo.

Ngày 22 tháng 3 năm 2018, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án là bà Ngô Thị L kháng cáo, nội dung yêu cầu: Chuyển sang tội danh “Giết người” đối với bị cáo; tăng mức bồi thường thiệt hại lên 126.770.000 đồng và buộc bị cáo nuôi 03 đứa con của bà đến khi đủ 18 tuổi.

Tại phiên tòa, bị cáo và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án là bà Ngô Thị L giữ nguyên nội dung kháng cáo.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh đề nghị: Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị cáo và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án là bà Ngô Thị L; giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Lời nói sau cùng của bị cáo: Xin được hưởng án treo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Xét các hành vi, quyết định của người tiến hành tố tụng và cơ quan tiến hành tố tụng của cấp sơ thẩm đều hợp pháp. Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo T xác định trong quá trình điều tra, truy tố và xét xử vụ án tại cấp sơ thẩm, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của người tiến hành tố tụng và cơ quan tiến hành tố tụng của cấp sơ thẩm.

1.1. Tại điểm m khoản 2 Điều 62 của Bộ luật Tố tụng hình sự quy định: *“Bị hại hoặc người đại diện của họ có quyền kháng cáo bản án, quyết định của Tòa án”*.

1.2. Tại điểm g khoản 2 Điều 65 của Bộ luật Tố tụng hình sự quy định: *“Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án hoặc người đại diện của họ có quyền kháng cáo bản án, quyết định của Tòa án về những vấn đề trực tiếp liên quan đến quyền lợi, nghĩa vụ của mình”*.

1.3. Bà Ngô Thị L là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án; do đó, bà L chỉ được quyền kháng cáo những vấn đề trực tiếp liên quan đến quyền lợi, nghĩa vụ của bà, cho nên bà L kháng cáo yêu cầu chuyển sang tội danh “Giết người” đối với bị cáo là vượt quá quyền kháng cáo được quy định tại khoản 4 Điều 331 của Bộ luật Tố tụng hình sự nên không được Tòa án cấp phúc thẩm chấp nhận.

1.4. Riêng yêu cầu kháng cáo của bà L tăng mức bồi thường thiệt hại thuộc phạm vi và thẩm quyền giải quyết của Tòa án cấp phúc thẩm.

[2] Xét yêu cầu kháng cáo của bị cáo Huỳnh Văn T xin được hưởng án treo:

2.1. Về tội danh: Xuất phát từ mâu thuẫn giữa anh Nguyễn Văn E (anh rể bị cáo) với ông Quang Văn S, bà Ngô Thị L, bị cáo đã dùng hung khí nguy hiểm là dây xích bằng sắt phi 03 ly, dài khoảng 50 cm đánh vào đầu ông S gây thương tích 01 %. Tại bản Kết luận giám định pháp y số: 01, ngày 30-6-2016 của Trung tâm pháp y tỉnh Tây Ninh kết luận: Vết sẹo dùng đinh phải, kích thước 04 x 0,2 cm có tỷ lệ tổn thương cơ thể là 01%; không có cơ sở y học để trả lời thương tích vùng đỉnh phải là do vật gì gây ra; thương tích vùng đỉnh phải không ảnh hưởng thẩm mỹ; thương tích vùng đỉnh phải không phải là nguyên nhân gây tử vong vào ngày 25-5-2016. Bản án Hình sự sơ thẩm số: 46/2018/HS-ST ngày 08-3-2018 của Tòa án nhân dân huyện Tân Châu xét xử bị cáo Huỳnh Văn T về tội “Cố ý gây thương tích” theo điểm a, i khoản 1 Điều 104 của Bộ luật Hình sự năm 1999 (đã được sửa đổi, bổ sung năm 2009) là có căn cứ, đúng tội.

2.2. Vụ án tuy mang tính chất ít nghiêm trọng, nhưng hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội; giữa bị cáo và bị hại không có mâu thuẫn từ trước, chỉ vì muốn bênh vực anh E (là anh rể của bị cáo) nên bị cáo đã dùng hung khí nguy hiểm tác động vào vùng đầu của nạn nhân gây thương tích 1%. Hành vi của bị cáo đã trực tiếp xâm phạm sức khỏe của ông S, gây mất trật tự tại địa phương, đồng thời thể hiện bản tính côn đồ, xem thường pháp luật nên cần nghiêm trị.

2.3. Khi quyết định hình phạt, Tòa án cấp sơ thẩm đã xem xét các T tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo như: Thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải và đã xử phạt bị cáo 09 (chín) tháng tù là tương xứng với tính chất và mức độ phạm tội của bị cáo gây ra; phù hợp với quy định tại điểm p khoản 1 Điều 46 của Bộ luật Hình sự năm 1999 (đã được sửa đổi, bổ sung năm 2009).

2.4. Bị cáo kháng cáo xin được hưởng án treo nhưng không xuất trình được các T tiết giảm nhẹ mới nên không có cơ sở để chấp nhận theo quy định tại khoản 1 Điều 2 Nghị quyết số: 01/2013/NQ-HĐTP ngày 06-11-2013 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao, hướng dẫn áp dụng Điều 60 của Bộ luật Hình sự về án treo.

[3] Xét kháng cáo của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án là bà Ngô Thị L, đối với nội dung xin tăng mức bồi thường thiệt hại.

3.1. Bà L kháng cáo yêu cầu bị cáo phải nuôi các con của bà là cháu Phạm Thắng Tuấn O1, cháu Ngô Đức O3, cháu Ngô Um Quang O đến khi đủ 18 tuổi và bồi thường cho bà 126.770.000 đồng, gồm các khoản: Điều trị theo toa thuốc, tiền đi lại, mất thu nhập, tiền mai táng, tiền xây mồ mả, tổn thất tinh thần là không có căn cứ; bởi vì theo Kết luận pháp y số: 01/2016/GĐHS ngày 30-6-2016 của Trung tâm pháp y tỉnh Tây Ninh kết luận: *“Vết sẹo vùng đỉnh phải, kích thước 04 x 0,2 cm có tỷ lệ tổn thương cơ thể là 01%; ... thương tích vùng đỉnh phải không phải là nguyên nhân gây tử vong ngày 25-5-2016”*.

3.2. Do đó, cái chết của ông S không do bị cáo T gây ra. Bản án hình sự sơ thẩm buộc bị cáo T bồi thường cho bà L 14.112.000 đồng, trong đó: Chi phí điều trị tại Trạm xá xã T3 là 53.500 đồng; chi phí điều trị tại Trung tâm y tế huyện T4 là 99.878 đồng và tại Bệnh viện Đa khoa tỉnh Tây Ninh là 9.358.512 đồng; tiền mất thu nhập của người bệnh và người nuôi bệnh 3.600.000 đồng, chi phí đi lại là 1.000.000 đồng là phù hợp và có cơ sở nên giữ nguyên các khoản này. Do đó, Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm không có căn cứ để chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà Ngô Thị L về việc tăng mức bồi thường thiệt hại.

[4] Từ những phân tích nêu trên, không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị cáo Huỳnh Văn T; không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà Ngô Thị L; chấp nhận đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa; giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[5] Về án phí: Theo quy định tại điểm a, e khoản 2 Điều 23 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, do kháng cáo không được chấp nhận nên bị cáo Huỳnh Văn T phải chịu 200.000

đồng tiền án phí hình sự phúc thẩm; bà Ngô Thị L phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm.

[6] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 355 và Điều 356 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

2. Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị cáo Huỳnh Văn T;

3. Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà Ngô Thị L.

4. Giữ nguyên Bản án Hình sự sơ thẩm số: 46/2018/HS-ST ngày 08 tháng 3 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh.

5. Căn cứ vào điểm a, i khoản 1 Điều 104; điểm p khoản 1 Điều 46 của Bộ luật Hình sự năm 1999 (đã được sửa đổi, bổ sung năm 2009). Xử phạt bị cáo Huỳnh Văn T 09 (chín) tháng tù về tội “Cố ý gây thương tích”; thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày bắt bị cáo đi chấp hành án.

6. Áp dụng Điều 42 của Bộ luật Hình sự năm 1999 và Điều 590 của Bộ luật Dân sự năm 2015. Buộc bị cáo Huỳnh Văn T có nghĩa vụ bồi tU cho bà Ngô Thị L các khoản chi phí chữa trị cho ông Quang Văn S tổng cộng là 14.112.000 (mười bốn triệu, một trăm mười hai nghìn) đồng.

7. Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

8. Về án phí phúc thẩm:

- Bị cáo Huỳnh Văn T phải chịu 200.000 (hai trăm nghìn) đồng tiền án phí hình sự phúc thẩm.

- Bà Ngô Thị L phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án phí dân sự phúc thẩm.

9. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị phúc thẩm.

10. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án Dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

11. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Vụ GDKT 1 (TANDTC);
- VKSND. TTN;
- TAND. huyện Tân Châu;
- Công an huyện Tân Châu ;
- Chi cục THADSH. Tân Châu ;
- Phòng lý lịch STP. TTN;
- Phòng KTNV. TATTN;
- Bị cáo;
- Những người tham gia tố tụng khác;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu tập án HSPT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Mai Văn Triển